TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:72/2025/DS-ST
Ngày: 08-5-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Huỳnh Đức Tâm

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em.

Ngày 07 tháng 05 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Trúc L, sinh năm 1959.
Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1984;
Địa chỉ: số 1204, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Đại diện theo ủy quyền của bà C:
1/Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975.
Địa chỉ: số 351, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.
*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972.
Địa chỉ: số B, tổ X, khu phố Z, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
*1/*Ông Cao Văn M, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 1204, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2/Bà Đòan Thị H, sinh năm 1957. Địa chỉ: số 51, ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông M.
1/Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975.
Địa chỉ: số 351, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2/Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972.
Địa chỉ: số B, tổ X, khu phố Z, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
Cùng địa chỉ liên hệ: số D, ấp B, xã B1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
(Tại phiên tòa ông L, bà M có mặt, ông H vắng mặt ; bà C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các văn bản tài liệu chứng cứ khác, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Thu C có hỏi vay tiền của ông L nhiều lần, cụ thể:

Lần 1 vào ngày 10/6/2022, bà C vay của ông L số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng bằng giấy tay có tựa là giấy mượn tiền ngày 10/6/2022. Trong giấy mượn tiền này không ghi thời hạn trả và cũng không ghi lãi suất, bà C nói mượn tiền để trả nợ ngân hàng khi vay lại được của ngân hàng sẽ trả đủ cho ông L chứ không nói cụ thể thời gian bao nhiêu ngày. Lãi suất hai bên có nói bằng miệng với nhau là 5%/tháng không có ghi vào hợp đồng. Tuy nhiên, từ ngày vay tiền đến nay bà C không đóng lãi cho ông lần nào và cũng không trả lại số nợ gốc nói trên. Theo nội dung giấy mượn tiền này có nói bà C thế chấp căn nhà và 5000m^2 đất vườn của bà C tại tổ 12A, ấp 3 (Hòa Trị) cho ông L, trong giấy ghi thế chấp vậy chứ thực tế bà C không giao giấy tờ đất cũng không giao đất cho ông L.

Lần 2 vào ngày 19/9/2022, bà C vay của ông L số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng bằng giấy tay có tựa là giấy mượn tiền. Bà C ghi mục đích để chăm lo cho con ăn học, thời gian khoảng 01 tháng sẽ trả lại cho ông L. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%/tháng không có ghi vào hợp đồng. Từ ngày vay tiền của ông L đến nay bà C không trả lãi và cũng không trả tiền gốc cho ông L. Lần này có mặt bà H là mẹ ruột của bà C, ông L có yêu cầu bà H bảo lãnh cho bà C thì ông L mới cho vay tiền, bà H đồng ý, nhưng bà H không ký tên bảo lãnh mà bà C ký tên thay luôn cho bà H.

Lần 3 vào ngày 20/12/2022, bà C vay của ông L số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng bằng giấy tay có tựa là giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận bằng miệng thời gian khoảng 01 tháng trả lại, lãi suất là 5%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên từ ngày vay tiền đến nay bà C không đóng lãi lần nào và cũng không trả tiền gốc cho ông L. Lần này ông L có kêu bà Đoàn Thị H là mẹ ruột của bà C ký tên và giấy mượn tiền với tư cách là người bảo lãnh số tiền trên và có thỏa thuận là bà C thế chấp cho ông L 2000m^2 đất vườn nhưng bà C cũng không đưa giấy tờ đất hay giao đất gì cho ông cả. Bà H không ký tên vào người bảo lãnh mà do bà C ký thay bà H.

Việc giao dịch tiền được thực hiện giữa ông L và bà C. Ông Cao Văn M là chồng của bà C, ông M không tham gia nhận tiền. Do đó, ông L chỉ yêu cầu một mình bà C có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay trong ba lần còn nợ là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Do lãi suất không được ghi trong giấy mượn tiền và bị đơn không thừa nhận nên ông L không yêu cầu tính lãi.

Ông L xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông M và bà H, không yêu cầu ông M và bà H có trách nhiệm trả nợ cùng với bà C. Ông đồng ý với kết quả giám định của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bến Tre.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của L, bà C xác định không có

vay tiền của ông L, bà C xác định không có ký tên vào 03 giấy nợ do ông L cung cấp. Ông Cao Văn M là chồng của bà C, bà H là mẹ của bà C cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại phiên tòa bà M trình bày: Ông M và bà H không nhận tiền của ông L, không liên quan gì trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không xác định ông M và bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chấp hành đúng. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trúc L. Buộc bà Nguyễn Thị Thu C có trách nhiệm trả cho ông L số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Ghi nhận ông L không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông L đối với bà H và ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông L đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn trong vụ án cư trú tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung:

Ông L yêu cầu bà C có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền gốc đã vay trong 03 lần là 60.000.000 đồng. Căn cứ ông L khởi kiện là bản chính các: giấy mượn tiền ngày 10/6/2022; Giấy mượn tiền ngày 19/9/2022; giấy mượn tiền ngày 20/12/2022; lần lượt có nội dung như sau:

- Giấy mượn tiền ngày 10/6/2022 thể hiện: bà Nguyễn Thị Thu C có mượn của chú 5 L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để trả ngân hàng khi vay lại trả đủ cho chú 5 L là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và thế chấp căn nhà và 5000m^2 đất vườn tọa lạc tại tổ 12A, ấp 3.

- Giấy nhận tiền ngày 19/9/2022 thể hiện: Bà Nguyễn Thị Thu C có mượn của chú năm L số tiền 20.000.000 đồng để lo cho con ăn học khoảng một tháng trả lại đủ.

- Giấy mượn tiền ngày 20/12/2022 thể hiện: Bà Nguyễn Thị Thu C có mượn của chú năm L 20.000.000 đồng thế chấp 2000m^2 đất vườn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L vì cho rằng bà C không có vay tiền của ông L, bà C không ký tên vào các giấy mượn tiền do ông L cung cấp, không có việc bà C thỏa thuận thế chấp tài sản cho ông L.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông L đã yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà C trong các giấy mượn tiền nêu trên. Theo Kết luận giám định số 91/2025/KL-KTHS ngày 07/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre thể hiện chữ ký C và chữ viết Nguyễn Thị Thu C trong các giấy mượn tiền đề ngày 10/6/2022, 19/9/2022, ngày 20/12/2022 với các chữ ký C và chữ viết Nguyễn Thị Thu C trong các mẫu so sánh trong sổ vay vốn của ngân hàng chính sách xã hội họ tên người vay Nguyễn Thị Thu C, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Cao Văn M, bà Nguyễn Thị Thu C và bà Lê Xuân Tỵ ngày 02/5/2024 là do một người ký, viết ra. Kết quả giám định đã được Tòa án công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, các đương sự đều không có ý kiến, không ai yêu cầu giám định lại.

Ông L đã chứng minh được bà C có ký tên ghi họ tên vào các giấy mượn tiền đề ngày 10/6/2022, 19/9/2022 và ngày 20/12/2022, căn cứ vào nội dung các giấy mượn tiền nêu trên thể hiện bà C có vay của ông L tổng số tiền là 60.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy mượn tiền đề ngày 10/6/2022 và ngày 20/12/2022, biên nhận tiền thể hiện đây là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn và không có lãi. Theo quy định tại Điều 469 Bộ Luật Dân sự thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả lại nợ bất cứ lúc nào nhưng pH báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Theo giấy mượn tiền đề ngày 19/9/2022, đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự thì "bên vay có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng pH báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý, còn bên cho vay chỉ được đòi lại tài sản trước kỳ hạn, nếu được bên vay đồng ý". Đây là các hợp đồng vay tiền có thời hạn, khoản vay trên đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận của hai bên.

Do đó, việc ông L khởi kiện yêu cầu bà C trả lại số tiền vốn gốc đã vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa ông L không yêu cầu tính lãi nêu ghi nhận.

Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không xác định ông M và bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn khởi kiện ông L có tranh chấp đối với bà H và ông M, yêu cầu ông M có trách nhiệm liên đới trả số nợ 60.000.000 đồng và tiền lãi với bà C, yêu cầu bà H có trách nhiệm trả nợ thay cho bà C số tiền 40.000.000 đồng trong trường hợp bà C không trả nợ do đó Tòa án xác định bà H và ông M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Việc ông L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông M và bà H là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của ông L.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 4.552.000 bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn) đồng. Kết quả giám định thể hiện chữ ký "C'' và ghi họ tên "Nguyễn Thị Thu C" trong các giấy mượn tiền so sánh với các mẫu chữ viết chữ ký của bà Nguyễn Thị Thu C là do một người ký và viết ra nên bà C có trách nhiệm nộp chi phí này. Ông L đã nộp tạm ứng, do đó bà C có trách nhiệm trả lại cho ông L chi phí tố tụng là 4.552.000 (bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà C có trách nhiệm nộp án phí là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trúc L đối với bà Nguyễn Thị Thu C. Buộc bà Nguyễn Thị Thu C có trách nhiệm trả cho ông Lê Trúc L số tiền gốc là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Ghi nhận ông Lê Trúc L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trúc L đối với ông Cao Văn M về việc yêu cầu ông Cao Văn M có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Thu C trả số tiền đã vay là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trúc L đối với bà Đoàn Thị H về việc yêu cầu bà Đoàn Thị H có trách nhiệm trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Thu C là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu C có trách nhiệm trả cho ông Lê Trúc L là 4.552.000 (bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu C có trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

[5]. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (M lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (M lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngoan